

**Biểu 01****TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 giao tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND	Số kế hoạch vốn điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>2.875.200</b>	<b>762.800</b>	<b>3.638.000</b>	
	Trong đó:				
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.256.400	71.200	2.327.600	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	505.000	691.600	1.196.600	
3	Xổ số kiến thiết	83.000		83.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	30.800		30.800	

Biểu số 02

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 5) - CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Giảm	Tăng			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC</b>									449.681	44.175	115.375	520.881		
<b>A</b>	<b>Dự phòng chung ngân sách địa phương</b>									138.812		110.475	249.287		
-	Tăng nguồn dự phòng từ các dự án giảm kế hoạch trung hạn											39.275			
-	Bổ sung từ nguồn thu tiền bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất											71.200		Phân bổ chi tiết sau	
<b>B</b>	<b>Bố trí cho các dự án theo ngành/lĩnh vực</b>				2.948.988	376.312	-	97.959	59.205	310.869	44.175	4.900	271.594	-	-
<b>I</b>	<b>Quốc phòng</b>				28.500	28.500	-	27.461	-	22.500	935	-	21.565		
	<i>Dự án quyết toán</i>														
1	Xây dựng, cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2021	2021	2022	97/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	28.500	28.500	373/QĐ-UBND ngày 27/10/202	27.461	-	22.500	935		21.565	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 06 tỷ đồng
<b>II</b>	<b>Văn hóa, thông tin</b>				2.009	2.009		1.831	1.040	969	99	2.800	3.670		
	<i>Dự án quyết toán</i>														
2	Sửa chữa nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn	2019	2020	2116/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1860/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	2.009	2.009	150/QĐ-STC ngày 13/9/2021	1.831	1.040	969	99		870	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>														
3	Dự án tu bổ Di tích lịch sử Coong Tắt, thôn Bàn Duôm, xã Thượng Ân									-		2.800	2.800	UBND huyện Ngân Sơn	
<b>III</b>	<b>Giao thông</b>				2.843.867	283.867	-	6.040	7.119	276.748	40.003	2.100	238.845		
	<i>Dự án quyết toán</i>														
4	Đường vào trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	2021	2022	2036/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	6.058	6.058	2065/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	6.040	2.245	3.813	3		3.810	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023</i>														
5	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	2021	2024	1854/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	2.837.809	277.809			4.874	272.935	40.000		232.935	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>									-					
6	Dự án Cầu Nà Đì, thôn Phiêng Phúc, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	2023	2023									2.100	2.100		
<b>IV</b>	<b>Khu công nghiệp</b>				4.113	4.113		3.669	2.012	1.863	217	-	1.646		
	<i>Dự án quyết toán</i>														

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Giảm	Tăng			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP									
7	Xử lý kỹ thuật mái taluy dương và hệ thống thoát nước phía Đông Khu công nghiệp Thanh Bình			1385/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Kan	4.113	4.113	696/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	3.669	2.012	1.863	217		1.646	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
<b>V</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước</b>				<b>70.015</b>	<b>57.340</b>	-	<b>58.518</b>	<b>49.034</b>	<b>8.306</b>	<b>2.878</b>	-	<b>5.428</b>		
	<i>Dự án quyết toán</i>														
8	Trụ sở UBND xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn			2195/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Đồn	5.566	5.000	3955/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND huyện Chợ Đồn	4.917	4.750	250	250		-	UBND huyện Chợ Đồn	
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tỉnh ủy và trụ sở các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy		2023	2046/QĐ-UBND ngày 25/10/2019; 1450/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	18.245	18.245	1548/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	17.031	11.894	6.351	1.214		5.137	VP Tỉnh ủy	
10	Trụ sở UBND xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể			4150a/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Ba Bể	7.050	5.000	3125/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	6.404	4.750	250	250		-	UBND huyện Ba Bể	
11	Trụ sở UBND xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới			1650/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	6.988	5.000	1726/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	4.908	4.750	250	92		158	UBND huyện Chợ Mới	
12	Trụ sở UBND xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới			1651/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	8.000	5.000	3387/QĐ-UBND ngày 31/11/2011	4.789	4.750	250	211		39	UBND huyện Chợ Mới	
13	Trụ sở UBND xã Dương Phong, huyện Bạch Thông			1479/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.200	5.000	Số 1794/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND huyện Bạch Thông	5.683	4.750	250	250		-	UBND huyện Bạch Thông	
14	Trụ sở UBND xã Vi Hương, huyện Bạch Thông			1478/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000	Số 1982/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện Bạch Thông	5.441	4.750	250	250		-	UBND huyện Bạch Thông	
15	Trụ sở UBND xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông			1477/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND huyện Bạch Thông	6.500	5.000	Số 2625/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND huyện Bạch Thông	5.361	4.750	250	250		-	UBND huyện Bạch Thông	
16	Trụ sở UBND xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới			1652/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.566	2.095		2.022	1.990	105	73		32	UBND huyện Chợ Mới	
17	Trụ sở UBND xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới			1653/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND huyện Chợ Mới	2.400	2.000	1047/QĐ-UBND ngày 07/4/2022	1.962	1.900	100	38		62	UBND huyện Chợ Mới	
<b>VI</b>	<b>Quy hoạch</b>				<b>483</b>	<b>483</b>		<b>440</b>	-	<b>483</b>	<b>43</b>	-	<b>440</b>		
18	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu Tái định cư và Dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kan giai đoạn I			1011/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	483	483	1120/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	440		483	43		440	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	

Biểu số 03

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 5) - NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định đầu tư			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Giảm	Tăng			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>						<b>505.000</b>	<b>45.485</b>	<b>737.085</b>	<b>1.196.600</b>		
<b>A</b>	<b>Cấp tỉnh điều hành</b>						<b>50.500</b>	<b>40.548</b>	<b>334.048</b>	<b>344.000</b>		
1	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ PT đất, rừng và BVMT tỉnh <i>Dự án chuyển tiếp</i>						50.500	40.548		9.952	Quỹ PT đất, rừng và BVMT tỉnh	Đã cấp năm 2021
2	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn – Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	2021	2024	1854/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	2.837.809	277.809			40.000	40.000	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh	
3	Dự phòng chưa phân bổ								294.048	294.048		
<b>B</b>	<b>Cấp huyện điều hành</b>						<b>454.500</b>	<b>4.937</b>	<b>403.037</b>	<b>852.600</b>		
1	Thành phố Bắc Kạn						324.000		152.919	476.919	UBND thành phố Bắc Kạn	UBND các huyện, thành phố thực hiện trích tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
2	Huyện Pác Nặm						18.900		12.840	31.740	UBND huyện Pác Nặm	
3	Huyện Ba Bể						25.200		106.802	132.002	UBND huyện Ba Bể	
4	Huyện Ngân Sơn						7.200	4.937		2.263	UBND huyện Ngân Sơn	
5	Huyện Bạch Thông						12.600		4.779	17.379	UBND huyện Bạch Thông	
6	Huyện Chợ Đồn						45.000		40.043	85.043	UBND huyện Chợ Đồn	
7	Huyện Chợ Mới						9.000		55.919	64.919	UBND huyện Chợ Mới	
8	Huyện Na Rì						12.600		29.735	42.335	UBND huyện Na Rì	